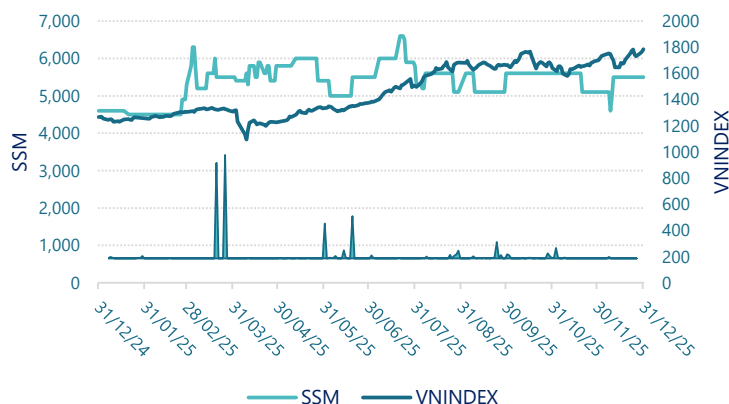


CTCP Chế tạo kết cấu thép VNECO.SSM (HNX: SSM)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	5,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,500
SL cổ phiếu LH	4,947,477
KLGD BQ 20 phiên (CP)	110
% sở hữu nước ngoài	0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	27
P/E	-2.9
EPS	-1,917

DT thuần
Q4/25

85.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.90 | 8.8%

YoY: ▲ 69.4 | 436%

LN sau thuế
Q4/25

-5.93

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 4.48 | -309%

YoY: ▼ 5.68 | -2270%

Tỷ suất lãi EBIT
2025

-2.9%

+/- YoY: ▼ 4.8%

DT thuần
2025

223

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 147 | -39.6%

LN sau thuế
2025

-9.48

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 14.0 | -308%

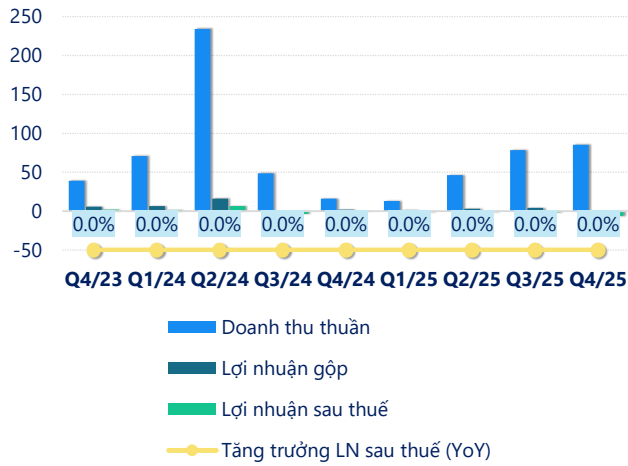
ROE
2025

-16.0%

+/- YoY: ▼ 23.3%

tỷ VNĐ

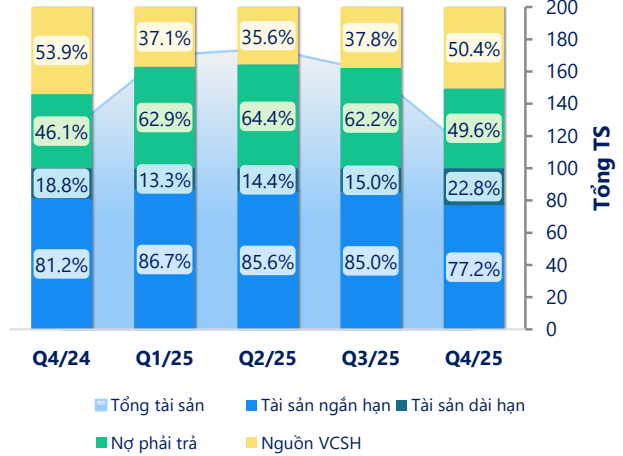
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

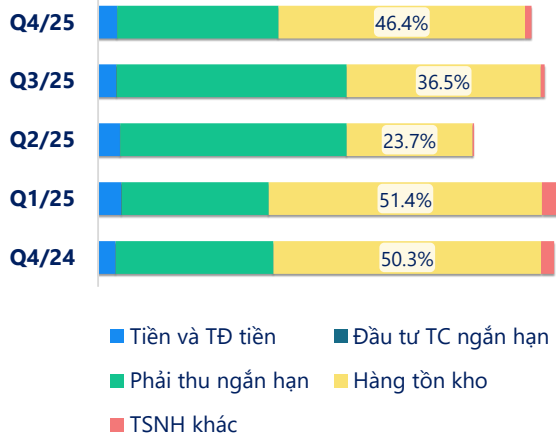
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



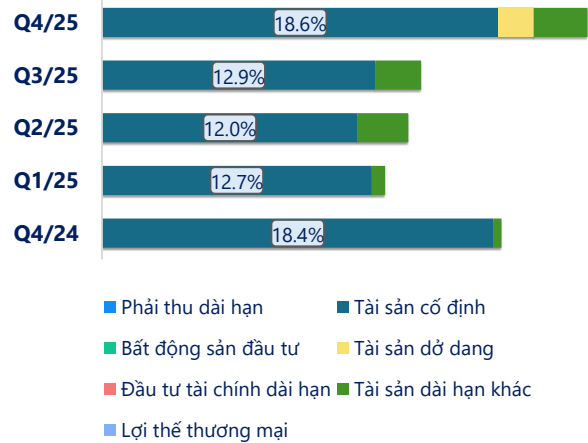
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

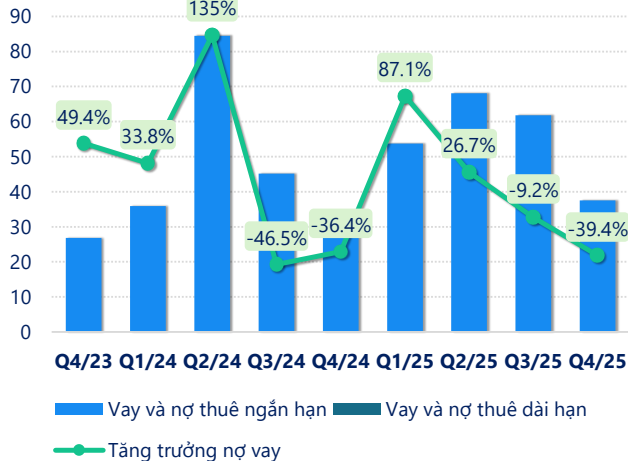
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

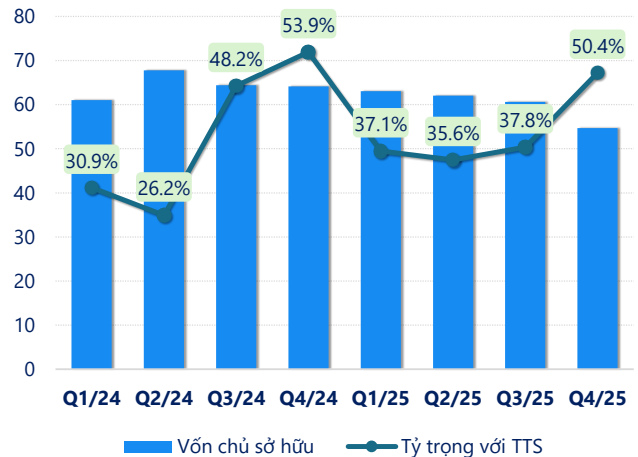
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

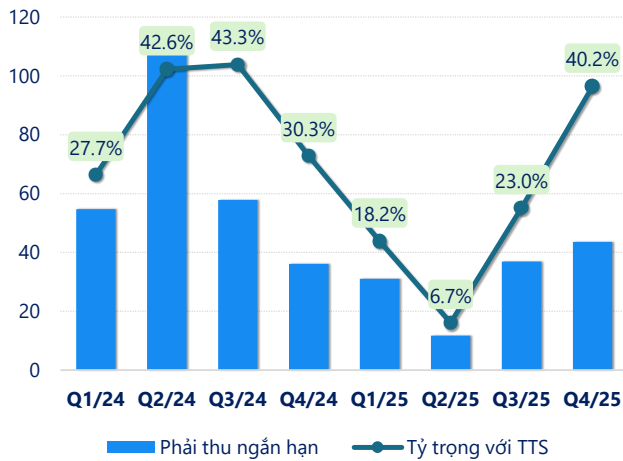
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



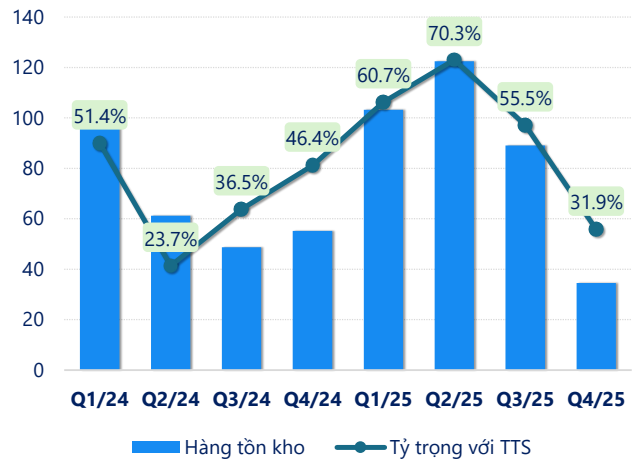
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


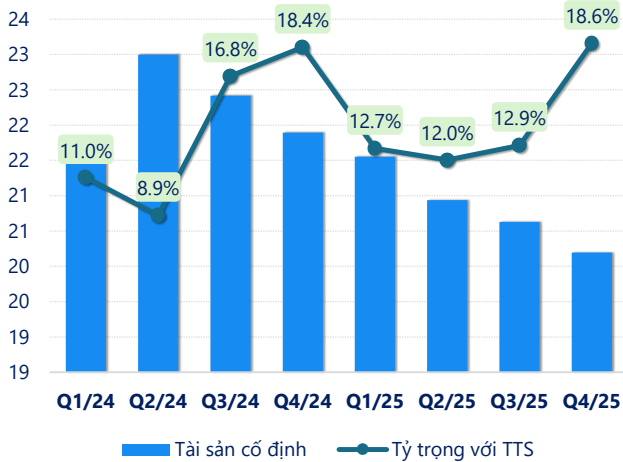
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


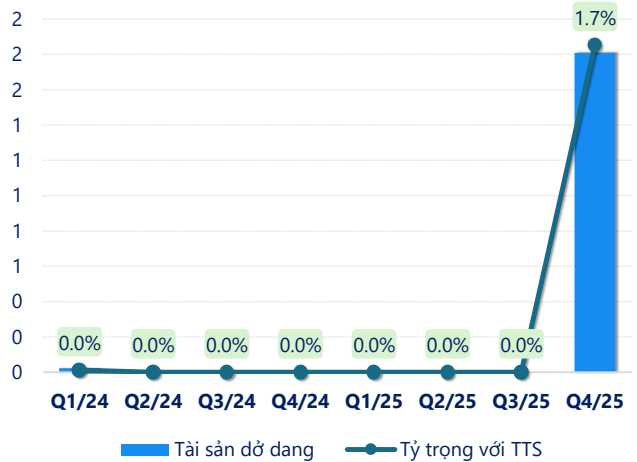
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

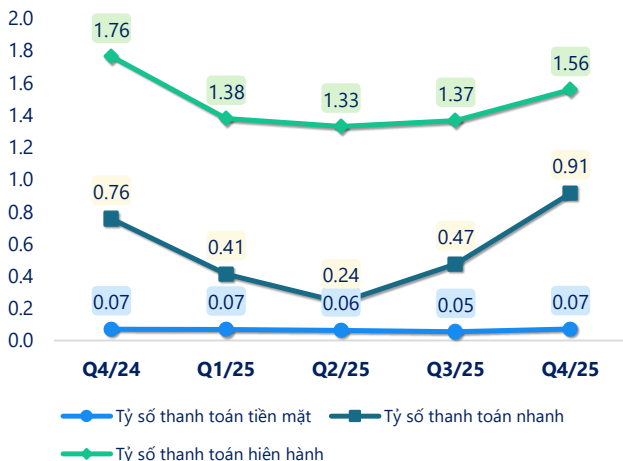
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

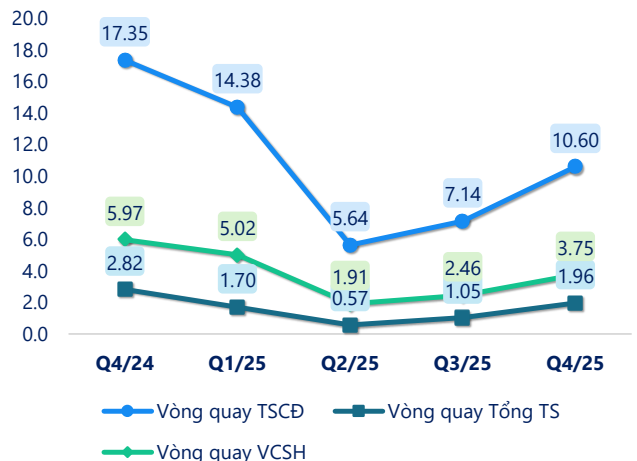
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	119	170	174	160	108
Tài sản ngắn hạn	96.6	147	149	136	83.6
Tiền và tương đương tiền	3.87	7.40	7.13	5.45	3.85
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.09	0.09	0.13	0.14	0.14
Phải thu ngắn hạn	36.1	31.0	11.7	36.8	43.5
Hàng tồn kho	55.2	103	122	89.1	34.5
Tài sản ngắn hạn khác	1.43	5.65	7.68	4.91	1.60
Tài sản dài hạn	22.3	22.6	25.1	24.1	24.7
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	21.9	21.6	20.9	20.6	20.2
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	1.81
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.44	1.07	4.16	3.45	2.74
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	54.8	107	112	99.9	53.7
Nợ ngắn hạn	54.8	107	112	99.9	53.7
Vay và nợ thuê ngắn hạn	28.7	53.7	68.1	61.8	37.5
Phải trả người bán ngắn hạn	14.9	32.7	29.6	25.3	9.11
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	64.2	63.1	62.0	60.6	54.7
Vốn chủ sở hữu	64.2	63.1	62.0	60.6	54.7
Vốn điều lệ	55.0	55.0	55.0	55.0	55.0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)